| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN V**<br>**TỈNH NAM ĐỊNH** | **CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 36/2020/HS-ST
Ngày 26-8-2020.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Gấm.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Hùng.

Ông Trần Đình Mạnh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2020/TLST - HS ngày 29 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST - HS ngày 14 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

*1. Nguyễn Ngọc C*, sinh năm: 1995 tại Nam Định; nơi ĐKHKTT (nơi ở trước khi bị bắt tạm giam): Thôn T, xã C, huyện V, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 9/12; con ông: Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1962; con bà: Đặng Thị L, sinh năm: 1958; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18-6-2020 đến nay "có mặt".

*2. Trần Đức H*, sinh năm: 1988 tại Nam Định; nơi ĐKHKTT (nơi ở trước khi bị bắt tạm giam): Thôn P, xã C, huyện V, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 9/12; họ tên bố: Trần Đức G (đã chết); họ tên mẹ: Trần Thị N, sinh năm: 1959; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

- Bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh Nam Định từ ngày 18-6-2020 đến nay "có mặt".

** Người tham gia tố tụng khác:*

** Người làm chứng:*

1. Anh Phùng Thế V, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

2. Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1963; địa chỉ: Xóm 9, thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

3.Bà Đặng Thị L, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện V, tỉnh Nam Định; "có mặt".

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 18-6-2020, tổ công tác Công an huyện V, tỉnh Nam Định làm nhiệm vụ tại khu vực thôn C, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định phát hiện bắt quả tang Nguyễn Ngọc C và Trần Đức H đang có hành vi cất giấu trái phép 01 gói ma túy đá (methamphetamine) trong người, có đặc điểm vỏ ngoài là lớp giấy kẻ ô màu trắng, bên trong là lớp ni lông màu trắng, trong cùng chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng methamphetamine (niêm phong trong phong bì thư). Ngoài ra còn thu giữ của C và H 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha classic, màu đen, biển kiểm soát 30K7 – 9764.

Tại bản kết luận giám định số 680/GĐKTHS ngày 19-6-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định đã kết luận: Mẫu rắn dạng tinh thể màu trắng trong 01 (một) túi ni lông màu trắng được niêm phong gửi giám định là ma túy. Loại ma túy: Methamphetamine. Khối lượng mẫu: 0,243 gam.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V, Nguyễn Ngọc C và Trần Đức H đã khai nhận hành vi của mình như sau:

Nguyễn Ngọc C và Trần Đức H đều là đối tượng sử dụng ma túy đá, C sử dụng từ năm 2015, H sử dụng từ tháng 4-2020. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 18-6-2020 do có nhu cầu sử dụng ma túy, H đi bộ một mình sang khu vực thôn T, xã C, huyện V, tỉnh Nam Định để tìm gặp C, rủ C đi mua ma túy về cùng sử dụng. Khi tới khu vực thôn T, H gặp C đang đi xe mô tô ngược chiều, H đã rủ C cùng đi mua ma túy về sử dụng. C đồng ý. C sử dụng xe mô tô BKS 30K7 - 9764, nhãn hiệu Yamaha Classic, màu sơn đen chở theo H đi tìm mua ma túy về sử dụng chung. Trên đường đi H đưa cho C số tiền 100.000đ *(Một trăm nghìn đồng)* góp tiền chung với C để mua ma túy về sử dụng chung.

Khi đi đến khu vực thôn C, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định, C dừng xe rồi đi bộ vào trong một ngõ hẻm để tìm mua ma túy, còn H đứng ở ngoài trông xe. C vào trong ngõ gặp một người đàn ông khoảng 30 tuổi đang đứng một mình, đoán có ma túy bán nên C tiến lại gần và hỏi *"Anh có hàng đá không, bán cho em gói hai"* (Ý của C là hỏi mua gói ma túy đá với giá 200.000 đồng). Người đàn ông

kia trả lời là *"Có"*. C đã dùng tay phải lấy từ trong túi quần bên phải phía trước của mình ra 200.000 đồng và mua được của người đàn ông trên 01 (một) gói ma túy (Methamphetamine) có đặc điểm như trên và cầm trong lòng bàn tay phải của mình, sau đó đi ra chỗ H đang đợi. Đến nơi gặp H, C nói *"Mua được rồi"*, lúc này H quay đầu xe mô tô, C ngồi lên phía trước xe mô tô chở theo H ngồi sau đi về hướng xã C, huyện V, tỉnh Nam Định tìm nơi sử dụng ma túy.

Khi đi đến khu vực ngã ba thôn C, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định thì bị tổ công tác Công an huyện V phát hiện bắt quả tang về hành vi cất giấu trái phép chất ma túy trong người.

Tại bản cáo trạng số 36/CT-VKSVB ngày 28-7-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc C, Trần Đức H về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm c khoản 1 của Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Nguyễn Ngọc C và Trần Đức H đã thành khẩn khai nhận về toàn bộ hành vi của mình như nội dung nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc C và Trần Đức H về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc C và Trần Đức H phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc C từ 18 đến 24 tháng tù.

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc C và Trần Đức H phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Đức H từ 12 đến 18 tháng tù.

- Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo vì mục đích tàng trữ ma túy là để sử dụng.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 47 của Bộ luật Hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy đã thu giữ.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những người làm chứng đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không đến phiên toà, tuy nhiên họ đã có đầy đủ lời khai tại cơ quan điều tra, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người làm chứng theo quy định của pháp luật.

[3] Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của bị cáo: Hành vi của các bị cáo được chứng minh bằng lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa; biên bản bắt người phạm tội quả tang; lời khai của người làm chứng; bản kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Nên có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 18-6-2020 tại khu vực ngã ba thôn C, xã L, huyện V tỉnh Nam Định, Nguyễn Ngọc C và Trần Đức H đã có hành vi cất giấu trái phép trong người 01 gói ma túy đá (Methamphetamine) có khối lượng 0,243 gam, nhằm mục đích sử dụng chung thì bị tổ công tác Công an huyện V phát hiện, bắt quả tang.

Với hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Ngọc C và Trần Đức H đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Ngọc C và Trần Đức H là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm tới trật tự quản lý kinh tế trong việc sản xuất, quản lý hàng cấm, tới chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy và còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Ngọc C và Trần Đức H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo C, H đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải do đó cả hai bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 của

Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Đức H có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương do đó được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[7] Về vai trò của các bị cáo trong đồng phạm: Bị cáo Trần Đức H là người khởi xướng, H rủ C đi mua ma túy về sử dụng nhưng bị cáo Nguyễn Ngọc C là người thực hành tích cực, C lái xe chở H đi tìm mua ma túy, trực tiếp giao dịch việc mua ma túy về sử dụng.

[8] Về đường lối xử lý hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội cũng như nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo; Hội đồng xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù và cách ly cả hai bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[9] Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo vì mục đích tàng trữ ma túy của các bị cáo là để sử dụng.

[10] Về xử lý vật chứng: Toàn bộ số ma túy đã thu giữ của đều là hàng cấm do đó căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự cần tịch thu cho tiêu hủy.

Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô BKS 30K7 - 9764, nhãn hiệu Yamaha Classic, cũ đã qua sử dụng, màu sơn đen Nguyễn Ngọc C sử dụng để chở Trần Đức H mua ma túy sử dụng là của chị Nguyễn Thị Hải V cho bà Đặng Thị L (mẹ đẻ của C) toàn quyền sử dụng. Bà L không biết việc C dùng chiếc xe trên để đi mua ma túy do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trả lại chiếc xe trên cho chủ sở hữu là phù hợp.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

* Đối với người đàn ông bán ma túy cho Nguyễn Ngọc C và Trần Đức H không xác định được họ tên, tuổi, địa chỉ nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V tách ra điều tra xử lý sau là phù hợp.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc C, Trần Đức H phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc C 18 (*mười tám*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18-6-2020.

3. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Đức H 12 (*mười hai*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18-6-2020.

4. Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo Nguyễn Ngọc C và Trần Đức H.

5. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 47 của Bộ luật Hình sự: Tịch thu cho tiêu hủy 01 phong bì niêm phong số 680/GĐKTHS của phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nam Định. (Như biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 30-7-2020 giữa Công an huyện V và Chi cục thi hành án dân sự huyện V).

6. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Ngọc C và Trần Đức H mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

7. Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- Bị cáo;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh + huyện;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Phòng PV27, PC 81 CA tỉnh NĐ;
- UBND xã Đ, huyện V;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Gấm**